

**CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG SÀI SƠN**

Số: 27 /CV-CT

V/v: Giải trình ý kiến của kiểm toán tại
báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm
2020

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Nam Sơn, ngày 14 tháng 8 năm 2020

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn
2. Mã chứng khoán: SCJ
3. Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Nam Sơn, Xã Nam Phương Tiến, Huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội.
4. Điện thoại: 024.33132183 Fax: 024.33132597

Công ty Cổ phần xi măng Sài Sơn giải trình ý kiến kiểm toán ngoại trừ của kiểm toán tại báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2020 như sau:

*** Ý kiến kiểm toán ngoại trừ:**

1. Về việc công ty thực hiện mua cổ phần của ông Nguyễn Sỹ Tiệp tại Công ty CP Xi măng và xây dựng Sài Sơn II với giá 29.500 đ/1 cổ phần.

- Căn cứ vào thương hiệu, thị trường và cơ hội phát triển của công ty cổ phần xi măng và xây dựng Sài Sơn II.
- Căn cứ vào tỷ suất đầu tư dây chuyền nghiền và hệ thống máy đóng bao xi măng.
- Căn cứ vào công nghệ của dây chuyền nghiền xi và máy đóng bao của công ty Sài Sơn II.
- Công ty cổ phần xi măng và xây dựng Sài Sơn đã đầu tư hoàn thành dây chuyền nghiền và đóng bao xi măng công suất 260 tấn/giờ hiện đại và tiên tiến nhất hiện nay, cùng với lợi thế về thương hiệu xi măng đã có uy tín như (Nam Sơn, Sài Sơn), Vị trí địa lý thuận lợi (thị trường chủ yếu khu vực Hà Nội và Hòa Bình, Phú Thọ).
- Công ty cổ phần xi măng Sài Sơn cũng vừa đầu tư hoàn thành dự án cải tạo công nghệ thiết bị, tiết kiệm năng lượng, nâng cao hiệu quả kinh tế dây chuyền sản xuất Clinker – Nhà máy xi măng Nam Sơn để chủ động cung ứng hết nguồn Clinker do dây chuyền cải tạo mang lại cũng cần chủ động đầu ra để không bị phụ thuộc vào các đối tác khác.
- Vì các lý do trên Công ty cổ phần xi măng Sài Sơn nhận thấy tiềm năng rất lớn khi mua lại cổ phần của các cổ đông để mục đích sở hữu 100% cổ phần công ty cổ phần xi măng Sài Sơn 2.
- Ngày 12/10/2018 tại cuộc họp đại hội đồng cổ đông bất thường, HĐQT đã xin ý kiến các cổ đông và các cổ đông đã đồng ý thông qua việc công ty cổ phần xi măng Sài Sơn nhận chuyển nhượng lại 86.7% vốn điều lệ từ các cổ đông để sở hữu 100% CP công ty



cổ phần xi măng và xây dựng Sài Sơn II với giá giao dịch 29.500 đồng/CP.

2. Về việc công ty thực hiện mua cổ phần của ông Nguyễn Sỹ Tiệp tại Công ty cổ phần Xi măng Sài Sơn để hoán đổi nợ với giá 10.000 đ/1cổ phần.

- Ngày 12/10/2018 tại cuộc họp đại hội đồng cổ đông bất thường, HĐQT đã xin ý kiến các cổ đông và các cổ đông đã đồng ý thông qua phương án chào bán cổ phiếu riêng lẻ hoán đổi nợ của ông Nguyễn Sỹ Tiệp thành cổ phiếu với giá hoán đổi 10.000 đồng/CP (tỷ lệ và phương án hoán đổi có xác nhận về tính hợp lý của Công ty TNHH kiểm toán VACO).

Trên đây là giải trình của công ty chúng tôi về ý kiến ngoại trừ của kiểm toán trên báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2020 kính trình Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội xem xét.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu VP

CÔNG TY CP XI MĂNG SÀI SƠN



GIÁM ĐỐC

Wang Duc Nhat



CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG SÀI SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 28 /CV-CT

Hà nội, ngày 15 tháng 08 năm 2020

V/v: Giải trình CL LNST giữa BCTC kiểm toán
soát xét 6 tháng đầu năm 2020 và báo cáo tự lập

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

5. Tên công ty: Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn

6. Mã chứng khoán: SCJ

7. Địa chỉ trụ sở chính: Thông Nam Sơn, Xã Nam Phương Tiến, Huyện Chương Mỹ,
TP Hà nội.

4.Điện thoại: 0433132183

Fax: 0433132597

Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn xin giải trình nguyên nhân chênh lệch lợi nhuận
sau thuế 6 tháng đầu năm 2020 giữa báo cáo tài chính kiểm toán soát xét và báo cáo tài
chính do công ty tự lập cụ thể theo bảng chi tiết sau:

STT	Nội dung điều chỉnh	Số tiền	Ghi chú
1	Tăng lãi vay trong kỳ	180.000	Tăng chi phí trong kỳ
2	Tăng chi phí bảo hiểm trong kỳ	30.303.030	Tăng chi phí trong kỳ
6	Tổng giá trị thay đổi lợi nhuận trước thuế	30.483.030	Giảm LN trước thuế
7	Thay đổi thuế TNDN	25.158.922	
8	Thay đổi lợi nhuận sau thuế	55.641.952	Giảm LN sau thuế

Trên đây là toàn bộ giải trình của Công ty chúng tôi về chênh lệch lợi nhuận sau
thuế 6 tháng đầu năm 2020 giữa báo cáo tài chính kiểm toán soát xét và báo cáo tài chính
công ty tự lập kính trình Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà
Nội xem xét.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu VP

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÀI SƠN



GIÁM ĐỐC
Vương Đức Nhật

CÔNG TY CỔ PHẦN
XI MĂNG SÀI SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 29 /CV-CT

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2020

V/v: Giải trình nguyên nhân LNST BCTC soát
xét 6 tháng đầu năm 2020 lãi và chênh lệch trên
10% so với cùng kỳ năm ngoái

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn
2. Mã chứng khoán: SCJ
3. Địa chỉ trụ sở chính: Thôn Nam Sơn, Xã Nam Phương Tiên, Huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội.
4. Điện thoại: 04.33132183 Fax: 04.33132597

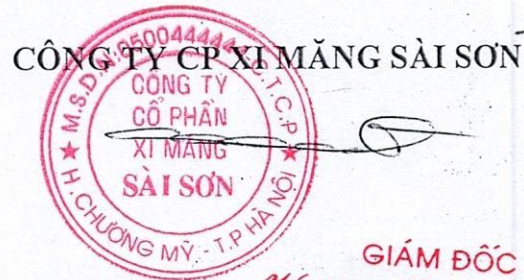
Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn xin giải trình nguyên nhân LNST giữa BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2020 lãi và chênh lệch trên 10% so với LNST trong BCTC soát xét 6 tháng đầu năm 2019 như sau:

+) Dự án cải tạo công nghệ, thiết bị, tiết kiệm năng lượng nâng cao hiệu quả kinh tế Nhà máy xi măng Nam Sơn đã đi vào hoạt động ổn định và đạt năng suất thiết kế. Do đó lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính soát xét 6 tháng đầu năm 2020 lãi và chênh lệch trên 10% so với cùng kỳ năm ngoái.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin trên đây là đúng sự thật và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu VP



GIÁM ĐỐC
Vương Đức Nhật



CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÀI SƠN
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2020

Tháng 8 năm 2020

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Sỹ Tiệp	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Ông Vương Đức Nhật	Thành viên
Bà Phan Thị Hải	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Vương Đức Nhật	Giám đốc
Ông Nguyễn Trí Chung	Phó Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Ngọc Na	Trưởng Ban
Ông Nguyễn Duy Dực	Thành viên
Bà Phùng Thị Duyên	Thành viên

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Sỹ Tiệp – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG SÀI SƠN

Xã Nam Phương Tiến, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội

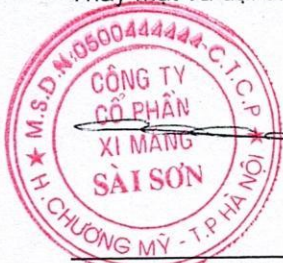
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, 



Vương Đức Nhật
Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2020

Số: 081402/2020/BCSX-iCPA

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 kèm theo của Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 14 tháng 08 năm 2020, từ trang 6 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410- Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Theo hợp đồng ngày 13/10/2018 giữa Công ty Cổ phần Xi Măng Sài Sơn và ông Nguyễn Sỹ Tiệp, Công ty thực hiện mua lại cổ phần của ông Nguyễn Sỹ Tiệp tại Công ty Cổ phần Xi Măng và Xây dựng Sài Sơn II với giá 29.500 VND/cổ phần. Nội dung của hợp đồng đã được thông qua tại nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018 số 180/NQ-NQĐHĐCĐBT ngày 12/12/2018. Đến ngày 30/06/2020 Công ty đã ứng trước cho ông Nguyễn Sỹ Tiệp số tiền 381.919.984.899 đồng, số tiền chưa thanh toán theo tiến độ của hợp đồng 105.015.101 đồng, do đó các bên chưa hoàn tất thủ tục mua bán cổ phần này. Với những tài liệu hiện có chúng tôi không thể xác định được giá trị hợp lý của giá mua số cổ phần này cũng như ảnh hưởng của nó đến Báo cáo tài chính đính kèm.

Thực hiện nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2018 số 180/NQ-NQĐHĐCĐBT ngày 10/12/2018, Công ty đã thực hiện phát hành thành công 18.323.000 cổ phần riêng lẻ để hoán đổi khoản nợ vay cho ông Nguyễn Sỹ Tiệp vào ngày 07/12/2018, tương ứng giá trị tiền hoán đổi là 183.230.000.000 đồng. Phương pháp xác định và tỷ lệ hoán đổi khoản nợ vay đã được xác nhận của tổ chức kiểm toán được chấp thuận có chức năng thẩm định giá là Công ty TNHH Kiểm toán Vaco tại ngày 26/09/2018. Với tài liệu hiện có chúng tôi không đánh giá được tính hợp lý của mệnh giá cổ phần hoán đổi nợ vay 10.000 đồng/cổ phần.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xi Măng Sài Sơn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên năm trước đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm



Trần Thiện Thanh
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1932-2018-072-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế
Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

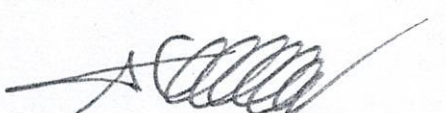
Đơn vị: VND


TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/06/2020	Tại ngày 01/01/2020
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		637.118.038.145	598.092.103.755
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.123.104.022	1.176.052.668
1. Tiền	111		1.123.104.022	1.176.052.668
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		416.601.295.854	411.924.218.515
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	33.931.911.985	25.749.227.731
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	384.710.343.986	388.019.848.423
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	1.272.280.307	1.468.382.785
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(3.313.240.424)	(3.313.240.424)
III. Hàng tồn kho	140	V.7	166.745.027.129	128.852.743.831
1. Hàng tồn kho	141		166.745.027.129	128.852.743.831
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		52.648.611.140	56.139.088.741
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.5a	1.048.362.921	929.490.778
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		51.599.717.616	55.209.067.360
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15a	530.603	530.603
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.056.029.393.886	1.081.844.411.447
I. Tài sản cố định	220		1.035.725.393.886	824.625.856.628
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	1.035.725.393.886	824.625.856.628
- Nguyên giá	222		1.287.654.024.181	1.046.866.556.842
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(251.928.630.295)	(222.240.700.214)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	-	-
- Nguyên giá	228		152.715.000	152.715.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(152.715.000)	(152.715.000)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	236.818.554.819
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	236.818.554.819
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		20.000.000.000	20.000.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.10	20.000.000.000	20.000.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		304.000.000	400.000.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5b	304.000.000	400.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.693.147.432.031	1.679.936.515.202

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại ngày 30/06/2020	Tại ngày 01/01/2020
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.224.955.712.161	1.213.609.079.280
I. Nợ ngắn hạn	310		484.575.342.159	490.554.581.591
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13a	70.596.460.890	95.355.473.185
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	92.917.300.712	79.520.010.562
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15b	1.850.747.851	1.239.399.269
4. Phải trả người lao động	314		2.497.138.532	2.872.164.959
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.11	29.920.321.203	23.239.444.327
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	1.056.174.394	400.035.516
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	285.737.198.577	287.928.053.773
II. Nợ dài hạn	330		740.380.370.002	723.054.497.689
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13b	114.135.706.782	123.108.228.887
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	626.244.663.220	599.946.268.802
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		468.191.719.870	466.327.435.922
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	468.191.719.870	466.327.435.922
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		378.390.000.000	378.390.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		378.390.000.000	378.390.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		7.650.713.000	7.650.713.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		59.383.458.551	59.383.458.551
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.811.263	1.811.263
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		22.765.737.056	20.901.453.108
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		20.901.453.108	15.182.843.561
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.864.283.948	5.718.609.547
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.693.147.432.031	1.679.936.515.202


Phạm Tiến Hiếu
Người lập
Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2020


Vương Thị Bích Ngọc
Kế toán trưởng




Vương Đức Nhật
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		356.513.851.389	261.437.380.841
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	356.513.851.389	261.437.380.841
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	313.405.644.354	231.876.611.055
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		43.108.207.035	29.560.769.786
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	15.534.277	2.748.908
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	37.087.855.786	30.414.599.379
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		36.584.030.912	28.904.094.541
8. Chi phí bán hàng	25		-	39.756.923
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	3.664.137.906	3.903.809.688
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.371.747.620	(4.794.647.296)
11. Thu nhập khác	31		-	20.000.000
12. Chi phí khác	32		2.323.275	37.469.644
13. Lợi nhuận khác	40		(2.323.275)	(17.469.644)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.369.424.345	(4.812.116.940)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	505.140.397	-
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.864.283.948	(4.812.116.940)
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	49	(127)
18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		49	(127)



(Handwritten signature)

(Handwritten signature)

(Handwritten signature)

Phạm Tiên Hiếu
Người lập
Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2020

Vương Thị Bích Ngọc
Kế toán trưởng

Vương Đức Nhật
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020
(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	2.369.424.345	(4.812.116.940)
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	29.687.930.081	25.887.918.255
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	491.769.997	1.510.504.838
Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.479.400)	(2.748.908)
Chi phí lãi vay	06	36.584.030.912	28.904.094.541
2. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	08	69.129.675.935	51.487.651.786
Tăng/Giảm các khoản phải thu	09	(1.067.727.595)	121.057.986.573
Tăng/Giảm hàng tồn kho	10	(37.892.283.298)	(25.941.275.666)
Tăng/Giảm các khoản phải trả	11	(16.583.546.447)	70.480.567.362
Tăng/Giảm chi phí trả trước	12	(22.872.143)	(308.301.098)
Tiền lãi vay đã trả	14	(32.826.843.225)	(22.249.349.126)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(931.457.975)	(1.758.362.027)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	5.571.600.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(11.532.940.639)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(20.195.054.748)	186.807.577.165
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(3.968.912.520)	(145.353.803.332)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	(251.800.000.000)
3. Thu tiền lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.479.400	2.748.908
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.965.433.120)	(397.151.054.424)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	328.211.930.796	350.504.134.309
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(304.104.391.574)	(136.771.932.858)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	24.107.539.222	213.732.201.451
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(52.948.646)	3.388.724.192
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	1.176.052.668	1.601.534.191
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	1.123.104.022	4.990.258.383



Phạm Tiên Hiếu
Người lập
Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2020



Vương Thị Bích Ngọc
Kế toán trưởng




Vương Đức Nhật
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Quyết định số 482-QĐ/UB ngày 01/12/1992 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây và được chuyển đổi thành Công ty cổ phần theo Quyết định số 2369/QĐ-UB ngày 13/11/2003 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội).

Công ty hoạt động theo Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0500444444 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 25 tháng 12 năm 2003. Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 cấp ngày 25 tháng 04 năm 2016.

Vốn điều lệ là 378.390.000.000 đồng (Ba trăm bảy mươi tám tỷ ba trăm chín mươi triệu đồng). Tương đương 37.839.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính trong năm của Công ty: Sản xuất và kinh doanh xi măng clinker và vật liệu xây dựng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính của Công ty tại xã Nam Phương Tiến, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 179 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 là 177 người)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Chi tiết khoản đầu tư khác của Công ty như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết	Ngành nghề kinh doanh chính
Đầu tư khác				
Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Sài Sơn II	Huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội	13,33%	13,33%	Sản xuất và kinh doanh xi măng, clinker

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán Việt Nam trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán trên máy vi tính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm khấu hao</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải	05 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 08
Tài sản cố định khác	05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

	<u>Năm khấu hao</u>
Phần mềm kế toán	02

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các khoản chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều kỳ với giá trị lớn, chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định, chi phí mua bảo hiểm...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 30/06/2020	Tại ngày 01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	3.115.470	76.200.186
Tiền gửi ngân hàng	1.119.988.552	1.099.852.482
Cộng	1.123.104.022	1.176.052.668

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 30/06/2020	Tại ngày 01/01/2020
	VND	VND
Công ty TNHH Phát triển đầu tư Hoàng Quân (*)	30.228.706.946	-
Công ty Cổ phần Cát Hải	1.394.082.972	642.813.089
Phải thu khách hàng khác	2.309.122.067	25.106.414.642
Cộng	33.931.911.985	25.749.227.731
Phải thu khách hàng bên liên quan (Chi tiết thuyết minh VII.1)	170.817.553	22.935.932.053

(*) Khoản phải thu Công ty TNHH Phát triển Đầu tư Hoàng Quân theo hợp đồng nguyên tắc mua bán số 04/2020/HĐMB/HQ-SS ngày 08/01/2020 về việc mua Clinker lò quay CPC50 với khối lượng yêu cầu theo từng đơn đặt hàng.

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2020	Tại ngày 01/01/2020
	VND	VND
Nguyễn Sỹ Tiệp (*)	381.919.984.899	381.919.984.899
Nhà cung cấp khác	2.790.359.087	6.099.863.524
Cộng	384.710.343.986	388.019.848.423
Trả trước cho người bán bên liên quan (Chi tiết thuyết minh VII.1)	381.919.984.899	381.919.984.899

(*) Theo hợp đồng ngày 13/10/2018 giữa Công ty Cổ phần Xi Măng Sài Sơn và ông Nguyễn Sỹ Tiệp về việc mua lại cổ phần của ông Nguyễn Sỹ Tiệp tại Công ty Cổ phần Xi Măng và Xây dựng Sài Sơn II với các nội dung cụ thể sau:

- Số cổ phần chuyển nhượng: 12.950.000 cổ phần (tương ứng với 86,33% vốn điều lệ);
- Đơn giá chuyển nhượng: 29.500 đồng/cổ phần;
- Phương thức thanh toán: Trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng bên nhận chuyển nhượng có trách nhiệm thanh toán 100% giá trị cổ phần cho bên chuyển nhượng với số tiền là 382.025.000.000 đồng. Đến ngày 30/06/2020 số tiền chưa thanh toán theo tiến độ thanh toán của hợp đồng là 105.015.101 đồng. Phụ lục hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 13/10/2019 gia hạn thời gian thanh toán 100% giá trị cổ phần cho bên chuyển nhượng đến ngày 31/03/2021
- Thời gian thực hiện chuyển nhượng cổ phần: Sau khi bên nhận chuyển nhượng thanh toán 100% giá trị cổ phần chuyển nhượng cho bên bán thì toàn bộ 12.950.000 cổ phần sẽ được chuyển nhượng cho bên mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Tại ngày 30/06/2020	Tại ngày 01/01/2020
	VND	VND
Tạm ứng	160.794.397	355.107.500
Phải thu khác	1.111.485.910	1.113.275.285
Cộng	1.272.280.307	1.468.382.785

5. Chi phí trả trước

	Tại ngày 30/06/2020	Tại ngày 01/01/2020
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	776.545.614	929.490.778
Chi phí trả trước khác	271.817.307	-
Cộng	1.048.362.921	929.490.778
b. Dài hạn		
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	304.000.000	400.000.000
Cộng	304.000.000	400.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Tại ngày 30/06/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc thu hồi VND
Công ty TNHH Phú Thái Bình	800.000.000	-	800.000.000	-
Phan Ngọc Hải - Văn phòng Đan Phượng	560.594.133	-	560.594.133	-
Nguyễn Quốc Bằng - Văn phòng Hà Nội	496.996.400	-	496.996.400	-
Công ty CP Xi Măng Thanh Liêm	490.199.423	-	490.199.423	-
Các đối tượng khác	965.450.468	-	965.450.468	-
Cộng	3.313.240.424	-	3.313.240.424	3.313.240.424

7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 30/06/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	164.245.459.389	-	127.532.955.709	-
Công cụ, dụng cụ	372.288.194	-	246.049.556	-
Thành phẩm	2.127.279.546	-	1.073.738.566	-
Cộng	166.745.027.129	-	128.852.743.831	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị dụng cụ quản lý VND	Tài sản có định khác VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2020	370.604.867.819	667.572.388.225	7.661.540.201	726.970.597	300.790.000	1.046.866.556.842
Mua trong kỳ	-	213.752.765.712	1.385.274.545	-	-	215.138.040.257
Đầu tư XDCB hoàn thành	25.649.427.082	-	-	-	-	25.649.427.082
Phân loại lại	(290.251.699)	2.172.069.881	(1.881.818.182)	-	-	-
Tại ngày 30/06/2020	395.964.043.202	883.497.223.818	7.164.996.564	726.970.597	300.790.000	1.287.654.024.181
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2020	69.060.896.997	148.481.667.593	3.969.567.677	595.738.597	132.429.350	222.240.700.214
Khấu hao trong kỳ	8.142.227.528	21.026.157.058	463.159.284	34.427.045	21.959.166	29.687.930.081
Phân loại lại	(12.745.916)	73.856.688	(104.545.454)	43.434.682	-	-
Tại ngày 30/06/2020	77.190.378.609	169.581.681.339	4.328.581.507	673.600.324	154.388.516	251.928.630.295
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2020	301.543.970.822	519.090.720.632	3.691.572.524	131.232.000	168.360.650	824.625.856.628
Tại ngày 30/06/2020	318.773.664.593	713.915.542.479	2.836.415.057	53.370.273	146.401.484	1.035.725.393.886

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 798.822.256.893 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 là 767.495.112.836 đồng).

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình hết khấu hao vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 5.409.455.011 đồng (tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 là 5.007.925.842 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán và hệ thống kiểm soát cân với tổng nguyên giá là 152.715.000 đồng đã hết khấu hao.

10. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tại ngày 30/06/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Sài Sơn II	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-
Cộng	20.000.000.000	-	20.000.000.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về khoản đầu tư khác của Công ty tại ngày 30/06/2020 như sau:

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Hoạt động sản xuất kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Sài Sơn II	Hà Nội	13,33%	Sản xuất kinh doanh và xi măng, clinker

11. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Chi phí lãi vay	26.160.494.703	22.403.307.016
Trích trước chi phí tiền điện sản xuất	3.759.826.500	836.137.311
Cộng	29.920.321.203	23.239.444.327
Chi phí phải trả bên liên quan (Chi tiết thuyết minh VII.1)	6.283.029.503	6.283.029.503

12. Phải trả khác ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Kinh phí công đoàn	167.950.874	48.205.686
Bảo hiểm xã hội	581.231.690	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	306.991.830	351.829.830
Cộng	1.056.174.394	400.035.516

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

13. Phải trả người bán

	Tại ngày 30/06/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a. Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Thành Tín Thủ Đô	23.044.095.000	23.044.095.000	-	-
Công ty Cổ phần M7 Thành Đạt	7.321.543.567	7.321.543.567	3.066.078.400	3.066.078.400
Công ty TNHH Truyền động NEWAY	4.814.263.200	4.814.263.200	-	-
Phải trả người bán ngắn hạn khác	35.416.559.123	35.416.559.123	92.289.394.785	92.289.394.785
Cộng	70.596.460.890	70.596.460.890	95.355.473.185	95.355.473.185
b. Các khoản phải trả người bán dài hạn				
Nanjing C-Hope Cement Engineering Group Co., Ltd (*)	114.135.706.782	114.135.706.782	123.108.228.887	123.108.228.887
Cộng	114.135.706.782	114.135.706.782	123.108.228.887	123.108.228.887
Phải trả người bán bên liên quan (Chi tiết thuyết minh VII.1)	-	-	10.102.740.649	10.102.740.649

(*) Khoản phải trả cho Nanjing C-Hope Cement Engineering Group Co., Ltd với tổng số tiền 4.899.579,6 USD bao gồm nhiều hợp đồng về việc nhập khẩu máy móc thiết bị lắp đặt cho Dự án nhà máy điện tận dụng nhiệt khí thải 5MW Căn cứ biên bản làm việc số 01 ngày 31 tháng 12 năm 2017 Nanjing C-Hope Cement Engineering Group Co., Ltd đồng ý gia hạn thời gian thanh toán thêm 36 tháng kể từ ngày ký biên bản thỏa thuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Sài Sơn II	91.986.954.407	91.986.954.407	45.274.148.537	45.274.148.537
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	930.346.305	930.346.305	34.245.862.025	34.245.862.025
Cộng	92.917.300.712	92.917.300.712	79.520.010.562	79.520.010.562
Người mua trả tiền trước bên liên quan (Chi tiết thuyết minh VII.1)	92.846.062.388	92.846.062.388	79.378.284.198	79.378.284.198

15. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp nhà nước

	Tại ngày 30/06/2020		Số phải nộp trong kỳ		Số thực nộp, bù trừ trong kỳ		Tại ngày 01/01/2020	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu								
Thuế thu nhập cá nhân	530.603	-	-	-	-	-	530.603	-
Cộng	530.603	-	-	-	-	-	530.603	-
b. Các khoản thuế phải trả, phải nộp								
Thuế giá trị gia tăng	-	35.651.385.129	35.651.385.129	-	35.651.385.129	-	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.019.636.370	1.019.636.370	-	1.019.636.370	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	813.004.891	505.140.397	505.140.397	931.457.975	931.457.975	1.239.322.469	1.239.322.469	
Thuế tài nguyên	70.800	432.360	432.360	438.360	438.360	76.800	76.800	
Thuế đất, tiền thuê đất	1.037.672.160	1.111.434.988	1.111.434.988	73.762.828	73.762.828	-	-	
Các khoản phí, lệ phí, các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	3.000.000	3.000.000	-	-	
Cộng	1.850.747.851	38.291.029.244	38.291.029.244	37.679.680.662	37.679.680.662	1.239.399.269	1.239.399.269	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Tại ngày 30/06/2020		Phát sinh trong kỳ		Tại ngày 01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ ngắn hạn	273.385.555.573	273.385.555.573	286.976.155.873	300.984.254.077	287.393.653.777	287.393.653.777
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn Tây (a)	198.324.826.832	198.324.826.832	198.324.826.832	199.821.340.553	199.821.340.553	199.821.340.553
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Thăng Long (b)	51.525.111.979	51.525.111.979	65.125.112.279	63.183.995.440	49.583.995.140	49.583.995.140
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (c)	23.526.216.762	23.526.216.762	23.526.216.762	37.971.818.084	37.971.818.084	37.971.818.084
- Vay ngắn hạn cá nhân (d)	9.400.000	9.400.000	-	7.100.000	16.500.000	16.500.000
Nợ dài hạn đến hạn trả (chi tiết tại thuyết minh V.17)	12.351.643.004	12.351.643.004			534.399.996	534.399.996
Cộng	285.737.198.577	285.737.198.577			287.928.053.773	287.928.053.773

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn Tây theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2020/2745062/HĐTĐ ngày 26/03/2020. Hạn mức tín dụng thường xuyên là 200.000.000.000 đồng. Mục đích để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh và mở L/C. Thời hạn cấp hạn mức tín dụng tính từ ngày ký hợp đồng này đến hết ngày 15/03/2021. Thời hạn cho vay, lãi suất được quy định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản theo các hợp đồng cầm cố được giao kết trước ngày, cùng ngày và sau ngày ký kết hợp đồng hạn mức.

(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng cho vay hạn mức số 040419-5514181-01-SME ngày 09/04/2019 và phụ lục số 11.04.2020/VPB-SAIISON. Hạn mức cho vay là 125.000.000.000 đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất xi măng, clinker các loại. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng tính từ ngày 09/04/2019. Thời hạn cho vay của các khoản vay từng lần thuộc hạn mức không được vượt quá 06 tháng. Lãi suất cho vay được quy định theo từng khế ước nhận nợ cụ thể. Khoản vay được đảm bảo bằng các thẻ tiết kiệm, chứng nhận tiền gửi của ông Nguyễn Sỹ Tiếp mở tại VPBank.

(c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 2706/2019/HĐTĐ ngày 27/06/2019. Hạn mức tín dụng là 200.000.000.000 đồng. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Thời hạn duy trì hạn mức là 12 tháng kể từ ngày 25/06/2019. Thời hạn cấp tín dụng được xác định theo văn bản thỏa thuận cụ thể nhưng không vượt 06 tháng. Lãi suất được quy định theo từng giấy nhận nợ cụ thể. Khoản vay được đảm bảo bằng 02 thẻ tiết kiệm của ông Nguyễn Sỹ Tiếp và bà Hoàng Thị Long do MSB phát hành với tổng giá trị là 14.000.000.000 đồng.

(d) Khoản huy động vốn từ nhiều cá nhân với mục đích bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Khoản vay không tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

17. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Tại ngày 30/06/2020		Phát sinh trong kỳ		Tại ngày 01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ dài hạn	638.596.306.224	638.596.306.224	41.235.774.923	3.120.137.497	600.480.668.798	600.480.668.798
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn Tây (a)	356.425.410.823	356.425.410.823	-	-	356.425.410.823	356.425.410.823
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Trần Duy Hưng (b)	400.800.017	400.800.017	-	267.199.998	668.000.015	668.000.015
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh (c)	19.979.340.720	19.979.340.720	-	-	19.979.340.720	19.979.340.720
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thường Tín - Chi nhánh Thủ Đức (d)	16.943.000.000	16.943.000.000	-	-	16.943.000.000	16.943.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nam (e)	127.532.832.236	127.532.832.236	-	-	127.532.832.236	127.532.832.236
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm (f)	2.800.000.000	2.800.000.000	-	-	2.800.000.000	2.800.000.000
- Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hà Nội - PGD Kinh Đô (g)	8.289.000.000	8.289.000.000	-	-	8.289.000.000	8.289.000.000
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (h)	16.264.286.760	16.264.286.760	-	-	16.264.286.760	16.264.286.760
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội (i)	794.062.501	794.062.501	847.000.000	52.937.499	-	-
- Ông Nguyễn Sỹ Tiếp (j)	89.167.573.167	89.167.573.167	40.388.774.923	2.800.000.000	51.578.798.244	51.578.798.244
Nợ dài hạn đến hạn trả	(12.351.643.004)	(12.351.643.004)			(534.399.996)	(534.399.996)
Cộng	626.244.663.220	626.244.663.220			599.946.268.802	599.946.268.802
Vay và nợ dài hạn bên liên quan (Chi tiết thuyết minh VII.1)	89.167.573.167	89.167.573.167			51.578.798.244	51.578.798.244

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

17. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

Chi tiết nợ dài hạn đến hạn trả:

	Tại ngày 30/06/2020		Phát sinh trong kỳ		Tại ngày 01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nợ dài hạn đến hạn trả						
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Trần Duy Hưng	400.800.017	400.800.017			534.399.996	534.399.996
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thường Tín - Chi nhánh Thủ Đức	2.030.486.000	2.030.486.000			-	-
- Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Phòng giao dịch Kinh Đô	828.900.000	828.900.000			-	-
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Sơn Tây	211.750.000	211.750.000			-	-
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh	8.879.706.987	8.879.706.987			-	-
Cộng	12.351.643.004	12.351.643.004			534.399.996	534.399.996

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

17. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

- (a) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sơn Tây theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Khoản vay để phục vụ dự án cải tạo thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng nâng cao hiệu quả kinh tế Nhà máy xi măng Nam Sơn và Dự án Nhà máy điện tận dụng nhiệt khí thải 5MW. Thời hạn vay là 60 tháng, trả gốc vào cuối kỳ. Lãi suất được quy định theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể. Khoản vay được đảm bảo bằng các sổ tiết kiệm của ông Nguyễn Sỹ Tiệp mở tại ngân hàng BIDV.
- (b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Trần Duy Hưng theo hợp đồng cấp tín dụng số 12046.16.008.2682996TD ngày 30/03/2016. Số tiền cho vay là 2.672.000.000 đồng. Mục đích vay để tài trợ một phần chi phí mua xe ô tô Porsche Macan màu trắng theo hợp đồng mua bán xe số 160714 ngày 7/3/2016 ký với Công ty TNHH MTV Đăng Cấp. Thời hạn vay vốn là 60 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay được quy định theo văn bản nhận nợ giữa 02 bên. Khoản vay được đảm bảo bằng động sản hình thành từ vốn vay.
- (c) Vay Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh theo hợp đồng tín dụng số BAN20170471/HĐTD ngày 26/07/2017. Số tiền vay là 20.000.000.000 đồng. Mục đích vay để tài trợ cho dự án cải tạo thiết bị công nghệ và nâng cao hiệu quả kinh tế dây chuyền sản xuất Clinker nhà máy xi măng Nam Sơn. Lãi suất cho vay là lãi suất thả nổi. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay đầu tiên. Khoản vay được đảm bảo bằng sổ tiết kiệm của ông Nguyễn Sỹ Tiệp gửi tại ngân hàng với tổng giá trị quy đổi là 14.640.000.000 đồng và các tài sản đảm bảo khác được các bên sử dụng đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ nợ của Công ty tại Techcombank.
- (d) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thường Tín - Chi nhánh Thủ Đô theo các hợp đồng tín dụng sau:
- Hợp đồng tín dụng số LD1721600218 ngày 04/08/2017. Số tiền cho vay là 3.000.000.000 đồng. Mục đích vay để thanh toán tiền cho các nhà thầu xây dựng cải tạo và nâng cấp nhà máy xi măng Nam Sơn. Lãi suất vay năm đầu tiên là 9,4%/năm và được điều chỉnh cho các năm tiếp theo. Thời hạn vay là 05 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời gian ân hạn gốc 36 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng thẻ tiền gửi của ông Nguyễn Sỹ Tiệp gửi tại Ngân hàng với tổng giá trị tài sản đảm bảo là 3.040.000.000 đồng.
 - Hợp đồng tín dụng số LD1722200107 ngày 11/08/2017. Số tiền cho vay là 6.643.000.000 đồng. Mục đích vay để thanh toán tiền cho các nhà thầu xây dựng cải tạo và nâng cấp nhà máy xi măng Nam Sơn. Lãi suất vay năm đầu tiên là 9,4%/năm và được điều chỉnh cho các năm tiếp theo. Thời hạn vay là 10 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời gian ân hạn gốc 36 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng thẻ tiền gửi của ông Nguyễn Sỹ Tiệp gửi tại Ngân hàng với tổng giá trị tài sản đảm bảo là 6.800.000.000 đồng.
 - Hợp đồng tín dụng số LD1722900020 ngày 17/08/2017. Số tiền cho vay là 3.800.000.000 đồng. Mục đích vay để thanh toán tiền cho các nhà thầu xây dựng cải tạo và nâng cấp nhà máy xi măng Nam Sơn. Lãi suất vay năm đầu tiên là 9,8%/năm và được điều chỉnh cho các năm tiếp theo. Thời hạn vay là 07 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời gian ân hạn gốc 36 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng 02 chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn của ông Nguyễn Sỹ Tiệp do Sacombank phát hành với tổng giá trị 3.880.000.000 đồng và phong tỏa tài khoản thanh toán số 020046958811 của Công ty trị giá 11.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

17. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

- Hợp đồng tín dụng số LD1723500041 ngày 23/08/2017. Số tiền cho vay là 3.500.000.000 đồng. Mục đích vay để thanh toán tiền cho các nhà thầu xây dựng cải tạo và nâng cấp nhà máy xi măng Nam Sơn. Lãi suất vay năm đầu tiên là 9,8%/năm và được điều chỉnh cho các năm tiếp theo. Thời hạn vay là 07 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời gian ân hạn gốc 36 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng 02 chứng chỉ tiền gửi của ông Nguyễn Sỹ Tiệp gửi tại Ngân hàng với tổng giá trị tài sản đảm bảo là 3.615.000.000 đồng.
- (e) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Nam theo các hợp đồng tín dụng trung hạn cụ thể. Mục đích để phục vụ cho dự án cải tạo thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng, nâng cao hiệu quả kinh tế nhà máy xi măng Nam Sơn và Dự án nhà máy điện tận dụng khí thải 5MW. Thời hạn vay là 60 tháng. Lãi suất áp dụng cho kỳ đầu tiên là 9,8% và sẽ được điều chỉnh cho các kỳ tiếp theo. Khoản vay được đảm bảo bằng các sổ tiết kiệm của ông Nguyễn Sỹ Tiệp gửi tại SHB theo các hợp đồng thế chấp cụ thể.
- (f) Vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hoàn Kiếm theo hợp đồng tín dụng số 148/2017/HĐTD/HGM/01 tháng 07 năm 2017. Khoản vay được giải ngân theo đề nghị giải ngân kèm khế ước nhận nợ số 148/2017/GNN/HGM/01 ngày 13/07/2017. Số tiền vay là 2.800.000.000 đồng. Mục đích vay để thanh toán tiền mua vật liệu và thi công xây dựng phục vụ dự án cải tạo thiết bị, công nghệ tiết kiệm năng lượng nâng cao hiệu quả kinh tế Nhà máy xi măng Nam Sơn. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 14/7/2017 đến ngày 13/07/2022. Lãi suất áp dụng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên cho đến ngày 13/10/2017 là 7,6%/năm và được điều chỉnh định kỳ 03 tháng /lần.
- (g) Vay ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hà Nội - Phòng giao dịch Kinh Đô theo hợp đồng tín dụng số 001/17KD/HĐTD ngày 26/12/2017. Số tiền cho vay là 1.000.000.000 đồng. Mục đích sử dụng vốn vay để tài trợ trung hạn dự án "Cải tạo thiết bị công nghệ, tiết kiệm năng lượng, nâng cao hiệu quả kinh tế dây chuyền sản xuất Clinker - nhà máy xi măng Nam Sơn". Thời hạn vay 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay lần đầu. Thời gian ân hạn gốc là 36 tháng. Lãi suất vay được quy định theo từng khế ước nhận nợ cụ thể. Tài sản đảm bảo là thẻ tiết kiệm trị giá 1.000.000.000 đồng của ông Nguyễn Sỹ Tiệp tại HDBank Kinh Đô. Theo phụ lục hợp đồng tín dụng số 001/17KD/HĐTD/PL ngày 29/12/2017, số tiền vay được thay đổi bằng 50.000.000.000 đồng.
- (h) Vay dài hạn Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng vay số 2009/2019/HĐCV ngày 20/09/2019. Khoản vay được giải ngân theo giấy nhận nợ lần 1 ngày 20/09/2019 với số tiền là 16.264.286.760 đồng. Mục đích sử dụng vốn vay để thanh toán chi phí xây dựng, lắp đặt nhà máy xi măng Nam Sơn. Thời hạn vay là 60 tháng từ ngày 20/09/2019 đến ngày 20/09/2024. Lãi suất cho vay áp dụng cho năm đầu tiên là 10%/năm và điều chỉnh cho các năm tiếp theo. Khoản vay được cầm cố bằng 02 chứng nhận tiền gửi của ông Nguyễn Sỹ Tiệp tại ngân hàng với tổng giá trị là 16.400.000.000 đồng theo hợp đồng cầm cố tiền gửi số 2009/2019/BĐ ngày 20/09/2019.
- (i) Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội theo hợp đồng cho vay số 53/2020/HĐTD/STY/01 ngày 26/03/2020. Số tiền vay là 847.000.000 đồng. Mục đích vay để thanh toán xe tải ben CNHTC 4 chân mới. Thời hạn cho vay 48 tháng từ ngày 27/03/2020 đến ngày 26/03/2024. Lãi suất áp dụng kể từ ngày 26/03/2020 đến ngày 26/03/2021 là 8,9%/năm. Lãi suất áp dụng cho giai đoạn sau được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/lần. Khoản vay được đảm bảo bằng xe CNHTC ZZ3317N3267E11-V (tài sản hình thành từ vốn vay). Giá trị tài sản đảm bảo 02 bên thống nhất là 1.412.000.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

17. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn (Tiếp theo)

(j) Khoản vay ông Nguyễn Sỹ Tiếp theo các khế ước vay tiền sau:

- Khế ước vay tiền số 01/KUVT/SS-NST ngày 05/09/2016 với số tiền cho vay tối đa là 100 tỷ đồng. Mục đích để đầu tư cải tạo thiết bị công nghệ tiết kiệm năng lượng, nâng cao hiệu quả kinh tế dây chuyền sản xuất Clinker nhà máy xi măng Nam Sơn của Công ty CP xi măng Sài Sơn. Thời hạn vay là 60 tháng tính từ ngày chuyển tiền từng món vay. Lãi suất vay áp dụng tính từ thời điểm nhận tiền là 13%/năm và được thay đổi khi có biên bản thỏa thuận giữa 02 bên. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Phụ lục số 01 PLKUVT/SS-NST ngày 01/01/2018 về việc vay bổ sung thêm 100 tỷ đồng. Phụ lục ngày 01/03/2018 về việc áp dụng lãi suất 0% tính từ thời điểm 01/03/2018 cho tới khi có văn bản khác thay thế.

- Khế ước vay tiền số 02/KUVT/SS-NST ngày 01/07/2018 với số tiền cho vay tối đa là 150 tỷ đồng. Mục đích để phục vụ hoạt động dự án nhà máy nhiệt điện tận dụng nhiệt khí thải công suất 5MW của Công ty Cổ phần Xi măng Sài Sơn. Thời hạn vay là 60 tháng tính từ ngày chuyển tiền từng món vay. Lãi suất được thỏa thuận bằng biên bản thỏa thuận lãi suất ký kết giữa 02 bên theo từng thời điểm cụ thể. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Phụ lục khế ước vay tiền ngày 01/07/2018 liên quan đến việc áp dụng lãi suất 0% tính từ ngày 01/07/2018.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Tại ngày 30/06/2020	Tại ngày 01/01/2020
	VND	VND
Trong vòng một năm	12.351.643.004	534.399.996
Trong năm thứ hai đến năm thứ năm	626.244.663.220	599.946.268.802
Cộng	638.596.306.224	600.480.668.798
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn)	12.351.643.004	534.399.996
Số phải trả sau 12 tháng	626.244.663.220	599.946.268.802

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

18. Vốn chủ sở hữu

a. Biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Quỹ khác của chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối		Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư tại 01/01/2019	378.390.000.000	7.815.713.000	59.383.458.551	1.811.263	460.773.826.375						
Chi phí phát hành tăng vốn	-	(165.000.000)	-	-	(165.000.000)						
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	5.718.609.547						
Số dư tại 01/01/2020	378.390.000.000	7.650.713.000	59.383.458.551	1.811.263	466.327.435.922						
Lợi nhuận tăng trong kỳ	-	-	-	-	1.864.283.948						
Số dư tại 30/06/2020	378.390.000.000	7.650.713.000	59.383.458.551	1.811.263	468.191.719.870						

b. Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2020	Tại ngày 01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đã bán ra	37.839.000	37.839.000
- Cổ phiếu phổ thông	37.839.000	37.839.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	37.839.000	37.839.000
- Cổ phiếu phổ thông	37.839.000	37.839.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu		

c. Chi tiết đầu tư vốn chủ sở hữu

	Tại ngày 30/06/2020	Tại ngày 01/01/2020
Ông Nguyễn Sỹ Tiệp	241.809.510.000	241.809.510.000
Công ty CP Xi Măng Hoàng Long	48.066.470.000	48.066.470.000
Cổ đông khác	88.514.020.000	88.514.020.000
Cộng	378.390.000.000	378.390.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	356.513.851.389	261.437.380.841
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa	74.206.746.879	3.336.021.032
Doanh thu bán thành phẩm	282.307.104.510	258.101.359.809
Cộng	356.513.851.389	261.437.380.841
2. Giá vốn hàng bán	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
	VND	VND
Giá vốn bán hàng hóa	72.207.455.298	3.129.849.150
Giá vốn bán thành phẩm	241.198.189.056	228.746.761.905
Cộng	313.405.644.354	231.876.611.055
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.479.400	2.748.908
Chênh lệch tỷ giá	12.054.877	-
Cộng	15.534.277	2.748.908
4. Chi phí tài chính	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	36.584.030.912	28.904.094.541
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ	503.824.874	1.510.504.838
Cộng	37.087.855.786	30.414.599.379
5. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	402.958.543	397.616.660
Chi phí nhân công	1.890.423.383	1.889.114.739
Chi phí khấu hao TSCĐ	763.795.073	803.907.822
Thuế, phí và lệ phí	3.432.360	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	437.879.849	295.562.179
Chi phí khác bằng tiền	165.648.698	514.608.288
Cộng	3.664.137.906	3.903.809.688

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)

6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2.369.424.345	(4.812.116.940)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	156.277.638	192.233.282
Các khoản chi phí không được trừ	156.277.638	192.233.282
- Chi phí không được trừ	156.277.638	154.763.638
- Các khoản tiền phạt		37.469.644
Thu nhập chịu thuế	2.525.701.983	(4.619.883.658)
Thuế suất	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	505.140.397	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	505.140.397	-

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.864.283.948	(4.812.116.940)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.864.283.948	(4.812.116.940)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	37.839.000	37.839.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	49	(127)

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	180.116.208.524	141.313.731.190
Chi phí nhân công	10.101.566.255	11.339.105.365
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	1.421.737.185	1.673.039.385
Chi phí khấu hao tài sản cố định	29.687.930.081	25.887.918.255
Thuế phí và lệ phí	1.114.867.348	1.114.434.988
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.279.180.980	43.136.761.569
Chi phí khác bằng tiền	194.377.569	1.577.667.951
Cộng	245.915.867.942	226.042.658.703

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ông Nguyễn Sỹ Tiệp	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Sài Sơn II	Công ty đầu tư khác
Công ty Cổ phần Xi Măng Hoàng Long	Cổ đông lớn
Công ty TNHH 3B Indochina Việt Nam	Công ty liên quan

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 VND
Bán hàng	166.186.156.050	217.773.689.933
Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Sài Sơn II	35.165.631.032	3.336.021.032
Công ty TNHH 3B Indochina Việt Nam	130.832.236.333	214.437.668.901
Công ty Cổ phần Xi Măng Hoàng Long	188.288.685	-
Mua hàng	-	45.334.590.277
Công ty Cổ phần Xi Măng Hoàng Long	-	45.334.590.277
Lãi vay phát sinh	-	258.423.750
Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Sài Sơn II	-	258.423.750
Tiền đã thu	-	11.192.400.000
Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Sài Sơn II	-	11.192.400.000
Tăng vay	40.388.774.923	28.039.555.699
Ông Nguyễn Sỹ Tiệp	40.388.774.923	28.039.555.699
Trả gốc vay	2.800.000.000	8.400.000.000
Ông Nguyễn Sỹ Tiệp	2.800.000.000	8.400.000.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Tại ngày 30/06/2020 VND	Tại ngày 01/01/2020 VND
Vay và nợ thuê tài chính	89.167.573.167	51.578.798.244
Ông Nguyễn Sỹ Tiệp	89.167.573.167	51.578.798.244
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	170.817.553	22.935.932.053
Công ty Cổ phần Xi Măng Hoàng Long	170.817.553	-
Công ty TNHH 3B Indochina Việt Nam	-	22.935.932.053
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	92.846.062.388	79.378.284.198
Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Sài Sơn II	91.986.954.407	45.274.148.537
Công ty TNHH 3B Indochina Việt Nam	859.107.981	-
Công ty Cổ phần Xi Măng Hoàng Long	-	34.104.135.661
Phải trả cho người bán	-	10.102.740.649
Công ty Cổ phần Xi Măng Hoàng Long	-	10.102.740.649
Trả trước cho người bán ngắn hạn	381.919.984.899	381.919.984.899
Ông Nguyễn Sỹ Tiệp	381.919.984.899	381.919.984.899
Phải trả lãi vay	6.283.029.503	6.283.029.503
Ông Nguyễn Sỹ Tiệp	6.283.029.503	6.283.029.503

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong kỳ:

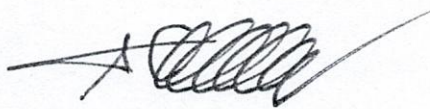
	Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/06/2020 VND	Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	104.933.000	95.360.000
Cộng	104.933.000	95.360.000

2. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày 30 tháng 06 năm 2020 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ là số liệu trên Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2019 đã được soát xét.



Phạm Tiên Hiếu
Người lập

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2020



Vương Thị Bích Ngọc
Kế toán trưởng



Vương Đức Nhật
Giám đốc